

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 206/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2022
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân &
Gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hăng;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi-Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 2 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Thái B, sinh năm: 1990.

Cư trú: Tổ 06, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thùy T, sinh năm: 1991.

Cư trú: Tổ 5, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông B, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ ông Hồ Thái B trình bày: Hôn nhân giữa ông với bà T được hình thành là do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và chung sống vào năm 2018, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Ông và bà T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hòa hợp, từ từ không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày một

trầm trọng. Cho đến tháng 02/2020 thì bà T bỏ nhà đi cho đến nay. Nay ông xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T không có con chung.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ ông có cho vợ chồng ông 01 cây vàng 24 kra gồm: 01 cộng dây chuyền, 01 dây tay và 01 đôi bông cưới, không xác định trọng lượng từng loại. Theo ông đây là tài sản chung của vợ chồng. Ông và bà T thống nhất tự thỏa thuận với nhau về số vàng cưới này, bà T cũng đã giao trả ông 05 chỉ vàng 24 kara. Ông xác định, ông và bà T đã thỏa thuận phân chia xong nên rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Đặng Thùy T trình bày: Thống nhất với trình bày của ông B về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Bà và ông B không có đăng ký kết hôn. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông B nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà T xác định không có con chung.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ chồng có cho bà 01 cây vàng 24 kra gồm: 01 cộng dây chuyền 04 chỉ vàng 24 kra, 01 dây tay 05 chỉ vàng 24 kra và 01 đôi bông cưới 01 chỉ vàng 24 kra. Bà và ông B đã tự thỏa thuận chia đôi số vàng nêu trên, bà đã giao cho ông B đủ số lượng vàng 05 chỉ 24 kara, ông B rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, bà thống nhất, không có ý kiến.

Về nợ chung: Bà và ông B không có nợ chung.

Chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự thống nhất, không bổ sung chứng cứ mới và không có ý kiến.

Tại phiên toà hôm nay: Ông B, bà T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận ông Hồ Thái B và bà Đặng Thùy T là quan hệ vợ chồng; về con chung: không có nên không xem xét; về tài sản chung: ông B và bà T xác định đã tự thỏa thuận, ông B rút lại yêu cầu chia tài sản chung, bà T thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Hồ Thái B; về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Hồ Thái B yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thùy T. Bà T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông B, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa ông B, bà T được xác lập do mai mối, có tổ chức lễ cưới và sống chung vào năm 2018. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng ông B, bà T đều xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông, bà là phù hợp với Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 49/UBND-HT ngày 21/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận ông B, bà T là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Ông B, bà T đều xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Ông B và bà T đã tự thỏa thuận phân chia xong. Ông B tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, bà T thống nhất nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông B.

[5] *Về nợ chung*: Ông B và bà T xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Ông B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thái B.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Hồ Thái B và bà Đặng Thùy T là quan hệ vợ chồng.

Về tài sản chung: Đình chỉ khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Hồ Thái B.

Về án phí: Ông Hồ Thái B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí 946.000 (Chín trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng mà ông B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0006779 ngày 15/02/2022. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A hoàn lại cho ông B 646.000 (Sáu trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang